TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - HƯNG YÊN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 02/2026/QĐST - LĐ	*Hưng Yên, ngày 10 tháng 3 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v: Tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - HƯNG YÊN

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Đinh Thị Vân Anh

Thư ký phiên họp: Ông Lê Như Hòa - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Hưng Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Hưng Yên tham gia phiên họp: Bà Phạm Thị Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Hưng Yên mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 06/2025/TLST-VDS ngày 28 tháng 11 năm 2025 về việc: Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 02/2026/QĐST-VDS ngày 09/01/2026 gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu: Chị Đinh Thị Q, sinh năm: 1983, vắng mặt

Địa chỉ: Thôn C, xã N, tỉnh Hưng Yên.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Chị Đinh Thị H; sinh năm: 1983, vắng mặt

Địa chỉ: Tổ dân phố N, xã G, thành phố Hà Nội.

- Công ty TNHH Một thành viên T1 (trước đây là công ty cổ phần T1)

Địa chỉ trụ sở: Khu công nghiệp P, xã N, tỉnh Hưng Yên.

Đại diện theo pháp luật: Ông Kiều Chí C – Giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Minh A – Nhân viên phụ trách BHXH, vắng mặt

- Bảo hiểm xã hội tỉnh H (trước đây là Bảo hiểm xã hội khu vực XII)

Trụ sở: Số F H, phường P, tỉnh Hưng Yên.

Đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn T – Giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Bảo hiểm xã hội cơ sở Mỹ Hào

Đại diện theo pháp luật: Ông Kiều Đình Đ – Giám đốc, vắng mặt

Địa chỉ: Số A Đường N, phường M, tỉnh Hưng Yên.

Người yêu cầu và toàn bộ người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Tại đơn yêu cầu và lời khai của chị Đinh Thị Q thể hiện:

Năm 2015, chị Đinh Thị H mượn Chứng minh nhân dân của chị để xin việc tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên T1 (trước đây là Công ty cổ phần T1) từ tháng 07/2002 cho đến tháng 12/2015 và được Công ty đóng bảo hiểm với số

sổ bảo hiểm là 8703000998. Thời điểm đó, chị Q cũng đang làm công nhân tại Công ty TNHH S từ tháng 08/2004 đến tháng 02/2013, tham gia đóng bảo hiểm với số sổ bảo hiểm là 8704019003.

Như vậy, trong cùng thời gian từ tháng 08/2004 đến tháng 02/2013, trên hệ thống bảo hiểm xã hội của chị Q tham gia bảo hiểm xã hội bằng hai mã số là mã số bảo hiểm 8703000998 tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên T1 và mã số bảo hiểm 8704019003 tại Công ty TNHH S.

Vì vậy, chị Q đề nghị Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động đã ký kết giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên T1 với chị Đinh Thị Q (do chị Đinh Thị H mượn hồ sơ của chị là Đinh Thị Q) là vô hiệu toàn bộ do có sự lừa dối khi ký kết hợp đồng. Chị Q nhất trí hoàn trả số tiền thoái thu cho Công ty TNHH Một thành viên T1 theo tính toán của Bảo hiểm xã hội và chị nhất trí việc chị H trả lại cho Bảo hiểm xã hội số tiền mà chị H (đứng tên Đinh Thị Q) đã nhận gồm:

+ Hưởng bảo hiểm một lần theo Quyết định hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần số 16/QĐ-BHXH ngày 16/02/2017 của Bảo hiểm xã hội huyện V, tỉnh Hưng Yên với số tiền đã hưởng là 32.608.878 đồng;

+ Hưởng bảo hiểm thất nghiệp theo Quyết định hưởng trợ cấp bảo hiểm thất nghiệp số 1349/QĐ-BHXH ngày 22/04/2016 của Bảo hiểm xã hội huyện V, tỉnh Hưng Yên với tổng số tiền hưởng là 10.593.000 đồng;

+ Hưởng chế độ ốm đau từ ngày 02/04/2013 - 04/04/2013, số tiền: 194.500 đồng *và* hưởng chế độ nghỉ sinh con từ ngày 31/05/2011 - 29/09/2011, số tiền: 6.577.333 đồng.

Chị Đinh Thị H trình bày thống nhất với nội dung chị Q đã cung cấp ở trên. Chị xác định thời điểm chị lấy tên chị Q ký hợp đồng và làm việc tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên T1 thì chị Đinh Thị Q đang làm tại một công ty khác. Cho đến nay, chị nhận thấy chị mượn hồ sơ của chị Q để đi xin việc và đứng tên chị Q là không đúng quy định của pháp luật, ảnh hưởng đến quyền lợi của chị Q. Chị nhất trí với yêu cầu của chị Q đề nghị Tòa án giải quyết tuyên bố Hợp đồng lao động ký kết giữa chị nhưng lấy tên của chị Q với Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên T1 vô hiệu. Chị H nhất trí việc chị Đinh Thị Q hoàn trả số tiền thoái thu cho Công ty TNHH Một thành viên T1 theo tính toán của Bảo hiểm xã hội và chị nhất trí trả lại cho Bảo hiểm xã hội số tiền mà chị đã hưởng nhưng đứng tên chị Đinh Thị Q, bao gồm:

+ Hưởng bảo hiểm một lần theo Quyết định hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần số 16/QĐ-BHXH ngày 16/02/2017 của Bảo hiểm xã hội huyện V, tỉnh Hưng Yên với số tiền đã hưởng là 32.608.878 đồng;

+ Hưởng bảo hiểm thất nghiệp theo Quyết định hưởng trợ cấp bảo hiểm thất nghiệp số 1349/QĐ-BHXH ngày 22/04/2016 của Bảo hiểm xã hội huyện V, tỉnh Hưng Yên với tổng số tiền hưởng là 10.593.000 đồng;

+ Hưởng chế độ ốm đau từ ngày 02/04/2013 - 04/04/2013, số tiền: 194.500 đồng *và* hưởng chế độ nghỉ sinh con từ ngày 31/05/2011 - 29/09/2011, số tiền: 6.577.333 đồng.

Đại diện Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên T1 trình bày: Tháng 7/2002, Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên T1 có ký hợp đồng lao động với chị Đinh Thị Q, sinh năm 1983 (Địa chỉ: Thôn C, xã N, tỉnh Hưng Yên) theo đúng quy định pháp luật. Việc công ty ký hợp đồng với chị Q có xem xét hồ sơ và

thấy hồ sơ đúng và đủ theo quy định. Tháng 12/2015 Công ty có Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động với chị Q. Thời điểm ký hợp đồng lao động với chị Q năm 2002, công ty có trụ sở tại xã N, huyện V, tỉnh Hưng Yên (nay là xã N, tỉnh Hưng Yên). Sau khi ký hợp đồng, công ty đã tiến hành đóng bảo hiểm xã hội cho chị Q theo quy định. Chị Q đề nghị Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động đã ký kết giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên T1 với chị Đinh Thị Q (đều do chị H ký, mượn hồ sơ của chị Đinh Thị Q) là vô hiệu, Công ty đề nghị Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động đã ký kết giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên T1 với chị Đinh Thị Q (do chị Đinh Thị H mượn hồ sơ của chị là Đinh Thị Q) là vô hiệu theo quy định pháp luật. Công ty TNHH T1 nhất trí với số tiền Bảo hiểm xã hội thoái thu thời gian đóng trùng bảo hiểm từ tháng 07/2002 đến tháng 12/2015 theo tính toán của Bảo hiểm xã hội tỉnh H và công ty N việc chị H trả lại cho Bảo hiểm xã hội tỉnh Hưng Yên số tiền mà chị H đã rút bảo hiểm một lần theo quy định.

Đại diện Bảo hiểm xã hội tỉnh H cung cấp: Qua rà soát dữ liệu về khai báo đóng bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm xã hội tỉnh H phát hiện trường hợp chị Đinh Thị Q có thời gian đóng trùng bảo hiểm xã hội từ tháng 08/2004 đến tháng 02/2013 với hai mã số bảo hiểm là mã số bảo hiểm 8703000998 tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên T1 và mã số bảo hiểm 8704019003 tại Công ty TNHH S. Bảo hiểm xã hội tỉnh Hưng Yên cung cấp quá trình tham gia bảo hiểm xã hội của chị Đinh Thị Q tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên T1, mã số bảo hiểm 8703000998 với số tiền đã đóng là 46.740.174 đồng. Bà Đinh Thị Q đã hưởng các chế độ BHXH, BHTN của quá trình tham gia tại Công ty TNHH Một Thành Viên T1. Cụ thể:

- Hưởng BHXH 1 lần theo Quyết định số 16/QĐ-BHXH ngày 16/02/2017 của BHXH huyện V (cũ) với tổng số tiền đã hưởng là: 32.608.878 đồng.
- Hưởng bảo hiểm thất nghiệp theo Quyết định số 1349 ngày 22/04/2016, số tháng hưởng là 6 tháng với tổng số tiền hưởng: 10.593.000 đồng.
- Hưởng chế độ ốm đau từ ngày 02/04/2013 - 04/04/2013, số tiền: 194.500 đồng. Hưởng chế độ nghỉ sinh con từ ngày 31/05/2011 - 29/09/2011, số tiền: 6.577.333 đồng.

Bảo hiểm xã hội tỉnh Hưng Yên đề nghị Toà án nhân dân khu vực 4 – Hưng Yên giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Hưng Yên phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc dân sự và đề nghị như sau: Căn cứ khoản 1 Điều 33, Điều 35, điểm v khoản 2 Điều 39, khoản 1 Điều 68, khoản 1 Điều 149, Điều 366, khoản 3 Điều 367, Điều 370, Điều 402 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 117, Điều 127 Bộ luật dân sự; Điều 6, Điều 30 Bộ luật lao động năm 1994; Điều 50 Bộ luật lao động năm 2012; Điều 15; Điều 50; Điều 51 Bộ luật lao động năm 2019; Khoản 1 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị Tòa án chấp nhận đơn yêu cầu của chị Đinh Thị Q. Tuyên bố Hợp đồng lao động đã ký giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên T1 với chị Đinh Thị Q (do chị Đinh Thị H ký) là vô hiệu, giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân khu vực 4 – Hưng Yên nhận định:

[1] Về tố tụng: Hợp đồng lao động mà chị Đinh Thị Q yêu cầu Tòa án tuyên bố vô hiệu được ký kết tại trụ sở Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên T1 tại Khu công nghiệp P, xã N, huyện V, tỉnh Hưng Yên (nay là xã N, tỉnh Hưng Yên) nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Hưng Yên theo quy định tại khoản 1 Điều 33, Điều 35, điểm v khoản 2 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên họp người yêu cầu và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 3 Điều 367 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt tất cả các đương sự.

[2] Xét yêu cầu của chị Đinh Thị Q đề nghị Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động đã ký giữa chị Đinh Thị Q với Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên T1 (do chị Đinh Thị H lấy Chứng minh nhân dân của chị Q để ký hợp đồng) là vô hiệu thì thấy: Việc chị Đinh Thị H sử dụng Chứng minh nhân dân của chị Đinh Thị Q để giao kết hợp đồng lao động với Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên T1 là giả mạo khi giao kết hợp đồng, ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi của chị Đinh Thị Q và vi phạm quy định của Bộ luật lao động, Luật Bảo hiểm xã hội nên yêu cầu của chị Q là có căn cứ chấp nhận. Thời gian Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên T1 đã đóng bảo hiểm xã hội cho chị H (mượn tên chị Q) tại số sổ bảo hiểm 8703000998 từ tháng 07/2002 đến tháng 12/2015 với số tiền được cơ quan Bảo hiểm xác định là 46.740.174 đồng. Vì vậy cần phải thoái thu số tiền trên để hoàn trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên T1 theo quy trình thoái thu của B.

Đối với việc trong thời gian làm việc và sau khi nghỉ việc, chị H (do chị Q ký) đã hưởng các chế độ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm thất nghiệp của quá trình tham gia tại Công ty TNHH Một Thành Viên T1. Cụ thể:

- Hưởng BHXH 1 lần theo Quyết định số 16/QĐ-BHXH ngày 16/02/2017 của BHXH huyện V (cũ) với tổng số tiền đã hưởng là: 32.608.878 đồng.

- Hưởng bảo hiểm thất nghiệp theo Quyết định số 1349 ngày 22/04/2016, số tháng hưởng là 6 tháng với tổng số tiền hưởng: 10.593.000 đồng.

- Hưởng chế độ ốm đau từ ngày 02/04/2013 - 04/04/2013, số tiền: 194.500 đồng. Hưởng chế độ nghỉ sinh con từ ngày 31/05/2011 - 29/09/2011, số tiền: 6.577.333 đồng.

Các bên đều thỏa thuận thống nhất chị H hoàn trả lại số tiền này cho Bảo hiểm xã hội tỉnh Hưng Yên theo quy định.

[3] Về lệ phí: Chị Đinh Thị Q phải chịu lệ phí sơ thẩm việc dân sự theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 33, Điều 35, điểm v khoản 2 Điều 39, khoản 1 Điều 68, khoản 1 Điều 149, Điều 366, khoản 3 Điều 367, Điều 370, Điều 402 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 117, Điều 127 Bộ luật dân sự; Điều 6, Điều 30 Bộ luật lao động năm 1994; Điều 50 Bộ luật lao động năm 2012; Điều 15; Điều 50; Điều 51 Bộ luật

lao động năm 2019; Khoản 1 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Đinh Thị Q.

Tuyên bố Hợp đồng lao động ký kết giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên T1 với chị Đinh Thị Q (do chị Đinh Thị H ký hợp đồng) vô hiệu.

2. Thoái thu số tiền bảo hiểm xã hội mà Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên T1 đóng cho chị Đinh Thị Q tại sổ bảo hiểm 8703000998 từ tháng 07/2002 đến tháng 12/2015 với số tiền là 46.740.174 đồng (Bốn mươi sáu triệu, bảy trăm bốn mươi nghìn, một trăm bảy mươi tư đồng).

Hoàn trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên T1 số tiền thoái thu bảo hiểm là 46.740.174 đồng (Bốn mươi sáu triệu, bảy trăm bốn mươi nghìn, một trăm bảy mươi tư đồng) theo quy trình thoái thu của B.

Chị Đinh Thị H phải hoàn trả lại cho Bảo hiểm xã hội tỉnh H số tiền (đứng tên chị Đinh Thị Q) đã hưởng các chế độ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm thất nghiệp của quá trình tham gia tại Công ty TNHH Một Thành Viên T1 bao gồm:

- Hưởng Bảo hiểm xã hội 1 lần theo Quyết định số 16/QĐ-BHXH ngày 16/02/2017 của Bảo hiểm xã hội huyện V (cũ) với tổng số tiền đã hưởng là: 32.608.878 đồng (ba mươi hai triệu, sáu trăm linh tám nghìn, tám trăm bảy mươi tám đồng).

- Hưởng bảo hiểm thất nghiệp theo Quyết định số 1349 ngày 22/04/2016, số tháng hưởng là 6 tháng với tổng số tiền hưởng: 10.593.000 đồng (Mười triệu, năm trăm chín mươi ba nghìn đồng).

- Hưởng chế độ ốm đau từ ngày 02/04/2013 - 04/04/2013, số tiền: 194.500 đồng (một trăm chín mươi tư nghìn năm trăm đồng). Hưởng chế độ nghỉ sinh con từ ngày 31/05/2011 - 29/09/2011, số tiền: 6.577.333 đồng (sáu triệu, năm trăm bảy mươi bảy nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng).

3. Lệ phí việc dân sự: Chị Đinh Thị Q phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền lệ phí giải quyết sơ thẩm việc dân sự, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) chị Q đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tiền số 0003659 ngày 28/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên. Chị Q đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm việc dân sự.

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết việc dân sự hoặc kể từ ngày quyết định này được thông báo, niêm yết.

Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 4 – Hưng Yên;
- THADS tỉnh Hưng Yên;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP